BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐH XÂY DỰNG MIỀN TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NỢ HỌC PHẦN

Khóa học : D20.
Ngành : Kinh kế xây dựng
Bậc đào tạo : Đại học
Lớp học : D20KXC1

20DQ5803011001	**Hồ Thị Lan**	**Anh**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			TH tin học văn phòng	1.0	2.8	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.2	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.3	F	0
20DQ5803011003	**Nguyễn Thành**	**Hân**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			TH tin học văn phòng	1.0	3.8	F	0
20DQ5803011007	**Nguyễn Thế**	**Hoài**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	0.9	F	0
			Giải tích 1	2.0	3.6	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.6	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	1.8	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	2.5	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.1	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	2.1	F	0
20DQ5803011008	**Trương Thị Hồng**	**Hưởng**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.8	F	0
			Kinh tế học	2.0	2.5	F	0
20DQ5803011011	**Đinh Văn**	**Minh**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Giải tích 1	2.0	3.5	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.5	F	0
20DQ5803011014	**Lê Thị Yến**	**Nhi**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	2.4	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.9	F	0
			Giải tích 1	2.0	3.5	F	0
20DQ5803011016	**Võ Ngọc**	**Phúc**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	2.3	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.0	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.6	F	0
			Cơ học công trình	3.0	1.0	F	0

			TH tin học văn phòng	1.0	3.5	F	0
			Địa kỹ thuật	3.0	3.6	F	0
20DQ5803011017	**Võ Đình Huy**	**Phúc**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	1.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.2	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	3.1	F	0
20DQ5803011021	**Nguyễn Thị Huỳnh**	**Tím**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.9	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.8	F	0
			Giải tích 1	2.0	3.8	F	0
20DQ5803011022	**Trần Ngọc Anh**	**Toàn**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.6	F	0
20DQ5803011023	**Trần Quốc**	**Toản**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.6	F	0
			Giải tích 1	2.0	3.7	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	3.0	F	0
20DQ5803011024	**Lê Anh**	**Tuấn**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	1.1	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	2.7	F	0
20DQ5803011025	**Võ Phụng**	**Thao**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Pháp luật đại cương	2.0	0.0	F	0
			Kinh tế học	2.0	0.0	F	0
			Tin học đại cương	2.0	0.6	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	0.6	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	0.0	F	0
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	0.0	F	0
			Giáo dục thể chất 1	1.0	0.0	F	0
			Giải tích 1	2.0	0.0	F	0
20DQ5803011029	**Vương Đăng**	**Triệu**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Kinh tế học	2.0	3.7	F	0
			Giải tích 1	2.0	3.4	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.6	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	2.9	F	0

20DQ5803011030	**Trần Đức**	**Vinh**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			TH tin học văn phòng	1.0	3.2	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
20DQ5803011032	**Nguyễn Minh**	**Hiếu**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			TH tin học văn phòng	1.0	3.6	F	0
			Cơ học công trình	3.0	1.2	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.2	F	0
20DQ5803011033	**Lương Thị Kim**	**Ngân**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.9	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	3.9	F	0
20DQ5803011034	**Ngô Quốc**	**Toàn**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Đại số tuyến tính	2.0	3.8	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	2.6	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.4	F	0
			Địa kỹ thuật	3.0	3.0	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	3.1	F	0
20DQ5803011035	**Võ Thị Quỳnh**	**Như**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	3.7	F	0
20DQ5803011036	**Bùi Ngọc**	**Hải**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			ĐA. Kỹ thuật thi công CTR	1.0	0.0	F	0
20DQ5803011037	**Trần Quang Trung**	**Trường**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	2.5	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	3.6	F	0
20DQ5803011038	**Đặng Tấn Phi**	**Hóa**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	0.7	F	0
			Kinh tế học	2.0	2.9	F	0
			TH tin học văn phòng	1.0	2.8	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	0.4	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	0.4	F	0
20DQ5803011039	**Nguyễn Minh**	**Bảo**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	3.2	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.9	F	0
20DQ5803011042	**Lê Hữu**	**Phước**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4

			Cơ học cơ sở	2.0	2.8	F	0
20DQ5803011043	**Lê Văn**	**Tấn**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	1.8	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.4	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
			Giải tích 1	2.0	2.8	F	0
			Đại số tuyến tính	2.0	3.7	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.5	F	0
			Địa kỹ thuật	3.0	1.2	F	0
20DQ5803011044	**Nguyễn Huỳnh**	**Thương**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	2.6	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.9	F	0
20DQ5803011048	**Nguyễn Trung**	**Trực**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Thực tập trắc địa	1.0	3.3	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.9	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.3	F	0
			Đại số tuyến tính	2.0	2.8	F	0
			Giải tích 1	2.0	2.1	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	0.4	F	0
20DQ5803011051	**Bùi Võ Phương**	**Nga**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.6	F	0
20DQ5803011052	**Phạm Đức**	**Nguyên**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			TH tin học văn phòng	1.0	3.4	F	0
20DQ5803011055	**Lê Huỳnh**	**Tâm**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Đại số tuyến tính	2.0	0.0	F	0
			Giải tích 1	2.0	0.0	F	0
			Giáo dục thể chất 1	1.0	0.0	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	0.0	F	0
			Tin học đại cương	2.0	0.0	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	0.4	F	0
			Pháp luật đại cương	2.0	3.3	F	0
			Kinh tế học	2.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	1.8	F	0

20DQ5803011056	**Lê Thanh**	**Huy**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Địa kỹ thuật	3.0	1.3	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	1.3	F	0
			Hình họa và Vẽ kỹ thuật	3.0	3.5	F	0
			Giải tích 1	2.0	2.8	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.2	F	0
			Trắc địa	2.0	3.2	F	0
20DQ5803011901	**Nguyễn Lương Hoàng**	**Thanh**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	2.1	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.0	F	0
			Quản trị tài chính DNXD	2.0	2.4	F	0
			Cơ học công trình	3.0	1.4	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	1.0	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	0.7	F	0
20DQ5803011902	**Lê Nguyễn Thành**	**Trung**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học cơ sở	2.0	1.6	F	0
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Kinh tế học	2.0	3.7	F	0
			Thống kê doanh nghiệp XD	2.0	3.7	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	1.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	0.7	F	0
20DQ5803011903	**Phạm Tấn**	**Lộc**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Cơ học công trình	3.0	1.2	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	3.1	F	0
			ĐA. Kỹ thuật thi công CTR	1.0	0.0	F	0
			Quản trị tài chính DNXD	2.0	3.6	F	0
			Thống kê doanh nghiệp XD	2.0	3.4	F	0
			Cơ học cơ sở	2.0	2.9	F	0
20DQ5803011904	**Nguyễn Thị Kiều**	**Tiên**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Vật liệu xây dựng	2.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
20DQ5803011905	**Lê Đức**	**Tài**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Đại số tuyến tính	2.0	2.6	F	0

			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	0.7	F	0
20DQ5803011906	**Lê Tô**	**Hòa**	Học phần	Số TC	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4
			Đại số tuyến tính	2.0	0.0	F	0
			Giáo dục thể chất 2	1.0	0.0	F	0
			Vật liệu xây dựng	2.0	0.0	F	0
			Cơ học công trình	3.0	0.0	F	0
			Thực tập trắc địa	1.0	0.0	F	0
			Trắc địa	2.0	1.9	F	0

Phú Yên, ngày ... tháng ... năm 20...

NGƯỜI LẬP BẢNG **TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**